

TÒA ÁN NHÂN DÂN H. HÒA VANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **45/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 28/01/2021

V/v tranh chấp

"Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng

Ông Tân Nghị

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1344/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2020, giữa:

***Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị S**, sinh ngày 03/10/1982; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ tạm trú: Thôn A, xã S, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

***Bị đơn:** Ông **Mai Văn T**, sinh ngày 01/01/1981; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ tạm trú: Thôn A, xã S, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị S trình bày:* Tôi (S) và ông Mai Văn T kết hôn với nhau năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chuyển đến địa chỉ thôn A, xã S, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Trong thời gian chung sống đến khoảng năm 2006 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Ông T không có trách nhiệm với gia đình vợ con, theo bạn bè ngoài xã hội cờ bạc nợ nần về nhà chửi bới đánh đập vợ con, thường xuyên vắng nhà, mặc dù tôi cũng đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không từ bỏ. Nay, tôi xác định về tình cảm không còn thương yêu ông T nữa, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và ông T có 02 con chung tên Mai Đức V, sinh ngày 08/11/2006 và Mai Nguyễn Đức N, sinh ngày

16/9/2014. Ly hôn tôi có nguyện V được nuôi 02 con và yêu cầu ông Mai Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông Mai Văn T không có tài sản chung và cũng không ai nợ nần vợ chồng tôi.

* *Đối với bị đơn - ông Mai Văn T:* Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để trình bày ý kiến, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con của bà Nguyễn Thị S đối với ông Mai Văn T. Xử cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Mai Văn T, giao 02 con chung là Mai Đắc V, sinh ngày 08/11/2006 và Mai Nguyễn Đắc N, sinh ngày 16/9/2014 cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị S xác định không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị S khởi kiện vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" đối với ông Mai Văn T; Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn T vắng mặt lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung:* Bà Nguyễn Thị S và ông Mai Văn T kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà S nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Ông T không có trách nhiệm với gia đình vợ con, theo bạn bè ngoài xã hội cờ bạc nợ nần về nhà chửi bới đánh đập vợ con vô cớ, thường xuyên vắng nhà, mặc dù bà cũng đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không từ bỏ. Nay, bà S xác định

về tình cảm không còn thương yêu ông T nữa, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị S đối với ông Mai Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà S và ông Luật không có tiếng nói chung, phát sinh từ mâu thuẫn do ông T đam mê cờ bạc nợ nần về nhà đánh đập chửi bới vợ con, không lo tu chí làm ăn. Mặc dù ông bà cũng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đạt được kết quả. Vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân cũng đã lâu mỗi người sống mỗi nơi và không ai có trách nhiệm với ai. Tại biên bản xác minh ngày 24/11/2020 của Tòa án thì ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị S có đăng ký tạm trú tại tổ 7, thôn A, xã S, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng bà S ông T có xảy ra mâu thuẫn cãi vã, ông T thường hay vắng mặt tại địa phương.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện ông T cũng không có thiện chí hàn gắn lại lại tình cảm với bà S.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà S và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị S đối với ông Mai Văn T là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà S xác định bà và ông T có 02 con chung tên là Mai Đắc V, sinh ngày 08/11/2006 và Mai Nguyễn Đắc N, sinh ngày 16/9/2014, ly hôn bà có nguyện V được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc được nuôi con chung thì thấy: Hiện tại, cả 02 con chung tên là Mai Đắc V và Mai Nguyễn Đắc N đang sinh sống ổn định cùng bà Nguyễn Thị S, mặt khác nguyện V của cháu V cũng mong muốn được ở cùng với mẹ thuận tiện trong việc đưa đón đi học và chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để không làm xáo trộn tâm lý cũng như ảnh hưởng việc chăm sóc, học hành của các cháu, HĐXX thấy cần giao cả 02 con chung cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, ông Mai Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị S xác định bà và ông Mai Văn T không có tài sản chung và cũng không nợ nần của ai nên HĐXX không đề cập.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình* bà Nguyễn Thị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con của bà Nguyễn Thị S đối với ông Mai Văn T. Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Mai Văn T.

2. *Về con chung:* Giao bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Mai Đắc V, sinh ngày 08/11/2006 và Mai Nguyễn Đắc N, sinh ngày 16/9/2014 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 29/01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định của pháp luật.

3. *Án phí:* Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000376 ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Mai Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự (theo địa chỉ);*
- *VKSND h. Hòa Vang;*
- *UBND xã Đ, h. Đại Lộc, t. Quảng Nam;*
- *(GCNKH số 08/2009, quyển số 01 ngày 22/02/2006);*
- *Chi cục THADS h. Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án. (7b)*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Hải

CÁC THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA